TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	**----------**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Bình
Ông Nguyễn Văn Đích

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà 61/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn H**, sinh năm: 1966, địa chỉ: Tổ 3, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Phương Hồng T**, sinh năm: 1986, địa chỉ: Số 3, đường C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn V, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông **Lê Minh H**, địa chỉ: Số 3 đường C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Vào tháng 6 năm 2023, ông Nguyễn H quen biết với bà Phạm Thị Phương Hồng T thông qua sự giới thiệu của người quen. Do ông H có nhu cầu cần vay vốn

để sửa nhà, nên ông H và bà T có thỏa thuận để bà T đứng ra làm hồ sơ vay cho ông H số tiền là 600.000.000 đồng từ ngân hàng, với một bộ hồ sơ cho vay ông H sẽ trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng. ông H gặp bà T ở nhà ông H tại thôn Q, Xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam để bàn bạc. Vài ngày sau, bà T có đưa bà Nguyễn Thị Thu H ở tại thôn V, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giới thiệu bà H là nhân viên ngân hàng để thẩm định đất, vườn, nhà tại nơi ông H đang sống tại thôn Q. Sau đó, các bên đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Nghiệp, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam để làm thủ tục sang nhượng đất vườn nhà của ông H đang ở cho bà H với giá 600.000.000 đồng.

Tại văn phòng công chứng, bà H đưa số tiền 600.000.000 đồng chuyển nhượng nhà đất của ông H cho bà T, bà T đưa lại cho ông H 300.000.000 đồng. ông H và ông Lê Minh H là chồng của bà T có lập Giấy cam kết với nội dung ông H1 sẽ làm thủ tục giúp ông H vay vốn tại Ngân hàng và bà T hứa trong vòng 10 ngày sẽ làm hồ sơ vay tiền cho ông H, giải ngân xong sẽ trả đủ số tiền còn lại. Tuy nhiên sau 10 ngày bà T vẫn chưa đưa lại tiền, ông H có đòi nhiều lần nhưng bà T không thiện chí trả tiền mà còn hẹn đi hẹn lại. Sau đó ông H và bà H đến phòng công chứng Nguyễn Văn Nghiệp để hủy hợp đồng chuyển nhượng, hai bên ký hủy hợp đồng hợp pháp, ông H rút giấy chứng nhận ra đi vay ngân hàng trả lại cho bà H số tiền 480.000.000 đồng.

Đến tháng 9 năm 2023, sau nhiều lần đòi, bà T có chuyển trả lại cho bà H 100.000.000 đồng và trả ông H 50.000.000 đồng. Đến ngày 07 tháng 10 năm 2023, bà T viết giấy mượn ông H số tiền còn nợ lại chưa trả 150.000.000 đồng tại quán cà phê gần công chứng thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. bà T tự nguyện viết và ký, có ông Võ Đức H là nhân viên quán cà phê làm nhân chứng. Trong giấy nợ bà T hẹn sẽ trả cho ông H số tiền 150.000.000 đồng chia làm 02 đợt, từ ngày 07 tháng 10 năm 2023 đến ngày 14 tháng 10 năm 2023 trả 75.000.000 đồng, từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 22 tháng 10 năm 2023 trả 75.000.000 đồng còn lại.

Cho đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền nói trên như cam kết trong giấy mượn tiền. Do vậy, nguyên đơn ông Nguyễn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Phương Hồng Thủy trả lại số tiền vay 150.000.000 đồng và không tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn H có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nghiệp, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam sau đó hủy hợp đồng sử dụng đất. bà H có đưa số tiền là 600.000.000 đồng cho bà Phạm Thị Phương Hồng T ngay tại văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nghiệp. Tuy nhiên bà H không biết về thỏa thuận trả tiền trong vòng 10 ngày của ông Nguyễn H và bà Phạm Thị Phương Hồng T và

giấy cam kết về việc vay Ngân hàng ngày 12/6/2023. bà H xác nhận ông H có trả số tiền nợ cho bà nhưng không nhớ rõ con số chính xác là bao nhiêu. bà H không có ý kiến gì khác đối với tranh chấp của ông Nguyễn H và bà Phạm Thị Phương Hồng Thủy và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H, người làm chứng ông Võ Đức H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành các quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã không chấp hành các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H, buộc và Phạm Thị Phương Hồng T thanh toán cho ông Nguyễn H số tiền 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị Phương Hồng T cư trú tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý

do nên nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định trước đó giữa các bên ông Nguyễn H và bà Phạm Thị Phương Hồng T có quan hệ quen biết nên bà T làm thủ tục môi giới tìm người giúp cho ông H vay vốn tại ngân hàng. Thông qua sự giới thiệu của bà T, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Thu H đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trị giá 600.000.000 đồng. Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Thu H đều thừa nhận bà Nguyễn Thị Thu H đã giao đủ số tiền 600.000.000 đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn H cho bà Phạm Thị Phương Hồng T, bà T đã giao lại cho ông H 300.000.000 đồng. Sau khi ông H và bà H huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà T giao tiếp cho ông H 50.000.000 đồng, giao cho bà H 100.000.000 đồng. Vào ngày 07/10/2023, bà T viết giấy vay của ông H số tiền còn lại 150.000.000 đồng chưa trả. Tại Giấy mượn tiền bà T có viết *"Số tiền mượn tôi đã nhận đủ"* do đó có cơ sở xác định bà T thừa nhận đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn trả theo thoả thuận trong Giấy vay tiền chia làm 02 đợt từ ngày 07 tháng 10 năm 2023 đến ngày 14 tháng 10 năm 2023 trả 75.000.000 đồng, từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 22 tháng 10 năm 2023 trả 75.000.000 đồng còn lại, không thoả thuận lãi suất, do vậy là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Việc thoả thuận cho vay phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Quá thời hạn 02 đợt thanh toán vào ngày 14/10/2023 và 15/10/2023 bà T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong Giấy mượn tiền là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu Toà án buộc bà T trả lại số tiền vay 150.000.000 đồng của ông Nguyễn H là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Điều 470 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Ông Nguyễn H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ phải trả là 150.000.000 đồng x 5%=7.500.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 229, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của ông Nguyễn H đối với bà Phạm Thị Phương Hồng T.

Buộc bà Phạm Thị Phương Hồng T phải trả cho ông Nguyễn H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Phương Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn H không chịu án phí, hoàn trả cho ông Nguyễn H số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn H đã nộp theo biên lai thu số: 0002899 ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Nguyễn H hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng